TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2026
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đủ
2. Bà Tô Thị Hồng

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2025/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2026/QĐ-HNGĐ ngày 06/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn S, xã B, tỉnh Hưng Yên

- Bị đơn: Anh Phạm Ba D sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn P, xã B, tỉnh Hưng Yên

Chị N đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày*: Chị N và anh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N nay là xã B

tỉnh Hưng Yên vào ngày 07 tháng 01 năm 2025. Thời gian đầu vợ chồng chùng sống, thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2025 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn được, chị N đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Vợ chồng chị không có con chung. Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, không vay nợ chung.

Bị đơn là anh Phạm Ba D không đến Tòa án làm việc vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh Duy

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B và biên bản ghi lời khai của ông Phạm Văn D1 - là bố anh D thể hiện: Anh D2 và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N nay là xã B tỉnh Hưng Yên vào tháng 01 năm 2025. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn P, xã N huyện K tỉnh Thái Bình nay là xã B tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Anh D2 có biết việc chị N xin ly hôn, anh D2 nói với ông D1 là đồng ý ly hôn vì anh D2 xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Vợ chồng anh chị không có con chung. Nay chị N xin ly hôn, anh D2 không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị N được, anh D2 đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt. Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của các tổ chức, đoàn thể tại địa phương. Anh Duy vẫn đang cư trú tại địa phương.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã cơ bản tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị N được ly hôn anh D2.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị N và anh D2 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N nay là xã B tỉnh Hưng Yên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng chị N vẫn kiên quyết ly hôn và anh D2 vắng mặt. Điều này chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh D2 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Không có.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, Tòa án chưa ghi được lời khai của anh D2 nên chưa có cơ sở xem xét, vì vậy Tòa án không giải quyết về quan hệ tài sản chung.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Phạm Ba D.

2. *Về quan hệ con chung:* Không có.

3. *Về quan hệ tài sản*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001726 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự khu vực 6 - Hưng Yên sang thi hành án phí.

5.*Về quyền kháng cáo*: Chị Bùi Thị N và anh Phạm Ba D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 6 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Định (ĐKKH tháng ngày 07/01/2025 tại UBND xã Nam Bình cũ);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Thị Thanh Xuân

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**